

Số: 3072/GP-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 12 năm 2015

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của UBND tỉnh Sơn La về việc Phê duyệt Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 3603/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước (*nội dung bảo vệ tài nguyên nước*) tỉnh Sơn La từ năm 2015 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt ngày 09/11/2015 của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 680/TTr-STNMT ngày 27/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần cấp nước Sơn La (*địa chỉ: số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La*) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

- 1. Tên công trình:** Điểm thu nước suối Bẹ, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên.
- 2. Mục đích khai thác, sử dụng nước:** Cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân thị trấn Bắc Yên và khu vực lân cận.

3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Suối Bẹ là phụ lưu cấp 1 của suối Lượng, phụ lưu cấp 2 của suối Gạo, phụ lưu cấp 3 của Sông Đà.

4. Vị trí công trình khai thác nước: Tại thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Tọa độ cửa lấy nước theo VN 2000 (*kinh tuyến trực 104⁰, múi chiếu 3⁰*): X = 2351166; Y = 544174.

5. Chế độ khai thác:

- Chế độ khai thác: Không liên tục.
- Thời gian lấy nước trung bình: 20h; thời gian lấy nước trung bình trong tháng: 30 ngày.

6. Lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất: 300 m³/ngày đêm.

7. Phương thức khai thác, sử dụng:

7.1. Quy trình vận hành, xử lý nước:

Trạm xử lý nước Phiêng Ban xử lý nước thô của 02 điểm thu nước: Nước mặt từ suối Bẹ (300 m³/ngày đêm) và nước mặt từ suối Phiêng Ban (700 m³/ngày đêm).

Nước từ suối Bẹ tự chảy vào bể thu và về Trạm xử lý nước bằng đường ống dẫn nước thô. Sau đó, nước thô của 02 điểm thu nước (*từ suối Bẹ và suối Phiêng Ban*) đến ống trộn phèn rồi chảy sang bể lắng (tọa độ bể lắng: X = 2350518; Y = 544725 theo VN 2000). Sau đó nước chảy sang máng thu bơm lên bình lọc áp lực, tại đây nước được lọc qua cát thạch anh, toàn bộ các chất bẩn được giữ lại. Nước sau khi lọc được khử trùng bằng Javen để xử lý và triệt tiêu các vi khuẩn gây bệnh trước khi đưa về bể chứa nước sạch. Từ bể chứa, nước sạch tự chảy vào mạng lưới đường ống nước sinh hoạt.

7.2. Các hạng mục công trình khai thác:

+ Đập dâng nước: Dạng tường chắn bằng BT M150.

+ Bể sơ lắng: Kết cấu BTCT M200.

- Trạm xử lý nước:

+ Bể lắng: Kết cấu BTCT M200; dung tích bể 200 m³.

+ Bình lọc áp lực: 04 bình.

+ Bể chứa nước sạch: Kết cấu BTCT M200; dung tích bể 200 m³.

8. Thời hạn của giấy phép: 15 năm (*mười lăm năm*) tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần cấp nước Sơn La:

1. Quan trắc, giám sát việc khai thác, sử dụng nước theo qui định tại Điều 28 Luật Tài nguyên nước năm 2012. Quan trắc chất lượng nước phục vụ cho sinh hoạt, ăn uống. Các thông số quan trắc nước trước khi xử lý tuân thủ QCVN 08:2008, cột A₂. Các thông số quan trắc nước sau khi xử lý đảm bảo tuân thủ theo QCVN 01:2009/BYT. Cụ thể:

+ Chỉ tiêu mức độ A: 03 tháng/01 lần.

+ Chỉ tiêu mức độ B: 06 tháng/01 lần.

2. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Tài nguyên nước.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và vận hành hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nước ổn định, an toàn, liên tục và giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Tài nguyên nước.

4. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước. Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, trữ lượng và môi trường nước xung quanh, Công ty có trách nhiệm báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương để có biện pháp xử lý.

5. Có trách nhiệm bảo vệ nguồn nước; phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước theo qui định tại khoản 3 Điều 25 và khoản 1 Điều 26 Luật Tài nguyên nước.

6. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại khoản 1 Điều 65, khoản 2 Điều 77 Luật Tài nguyên nước sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Ủy UBND tỉnh Sơn La (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định.

Điều 3. Công ty cổ phần cấp nước Sơn La được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần cấp nước Sơn La còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận: 

- TT tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN - Bộ TN&MT;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở: TN&MT, TC, NN&PTNT;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND huyện Bắc Yên;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bộ phận 01 cửa - VP UBND tỉnh;
- Công ty cổ phần cấp nước Sơn La;
- Lưu: VT, HSCP - Hiệu 25 bản. ✓

(báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Bùi Đức Hải